

PHẨM BẢN TRỤ THỨ CHÍN

Sở dĩ có phẩm này, gồm có tám nghĩa:

1) Trên, đã phá tác, tác giả, là phá tác dụng của “nhân”, “pháp”. Nay, kế là, phẩm này phá thể của “nhân”, “pháp”, căn bản có thân, và các căn, sau đó, mới có công dụng tạo tác.

Trên, dù đã phá dụng của “nhân”, “pháp”, nhưng vì chưa dứt trừ gốc của “nhân”, “pháp”, cho nên phải phá.

2) Trên, đã phá riêng “tức” ấm, nay phá lia ấm.

3) Trên, đã phá chung năm thứ “nhân”, “pháp”:

1, “Nhân”, “pháp” đều “có”.

2, “Nhân”, “pháp” đều “không”.

3, “Nhân”, “pháp” nửa có, nửa không có.

4, “Nhân” “có”, “pháp” “không có”; “pháp” “có”, “nhân” “không”.

5, “Nhân” một, “pháp” ba; “pháp” một, “nhân” ba.

Nên phá khắp tất cả “nhân”, “pháp”. Nay, một phẩm này sẽ lại phá câu đầu, nghĩa là “nhân”, “pháp” đều có. Vì có bệnh khó trừ, hai “không” khó tin, nên một phẩm này sẽ phá rộng cái “có” của “nhân”, “pháp”.

4) Từ trước đến đây, đã phá chung “tức”, lia, vừa tức”, “vừa lia”. Chẳng phải “tức”, chẳng phải “lia” tất cả các “ngã”. Nay, một phẩm này nhằm phá riêng lia ấm chấp “ngã”.

Trong “tức”, “lia” phá nghiêng về lia ấm: gồm, lập “nhân”, lập “pháp”, phần nhiều nói “pháp” khác “nhân”, “nhân” khác “pháp”, bởi lẽ người thường tình mê lầm chấp chung trong, ngoài. Lại, Độc Tử nói: “Năm ấm hoà hợp, có con người riêng.”

Sư Luận Thành Thật nói: “Pháp” chính là thật, “người” tức là giả, nên là nghĩa lia “pháp” có “nhân”, có thể phải phá nghiêng về.

5) Luận này chánh là phá nội, phụ là phá ngoại. Phẩm tác, tác giả đã phá “nhân”, “pháp” nội xong. Nay, một phẩm này kế là phá “nhân”, “pháp” của ngoại đạo.”

Hỏi: “Vì sao biết phẩm này là phá nghĩa của ngoại đạo ư?”

Đáp: “Vì văn xuôi ở sau nói: “Có Luận sư rằng: “Hơi thở ra vào, xem, nhìn v.v... này là tướng thần, tức là nghĩa của Ưu-Lâu-Ca, nên biết phá ngoại đạo.”

6) Từ trước đến đây, đã nói về nghĩa tạo tác của người giả trong sinh tử. Phá người Đại thừa của phẩm này cho rằng, Phật tánh thế gian,

xuất thế gian nương tựa, duy trì, tức là nêu thế gian, xuất thế gian đầu cuối. Như người Đại thừa nói: “Vốn có Như lai tạng, làm chỗ nương tựa duy trì của sinh tử; kiến lập sinh tử, chính là dựa vào Như lai tạng, gọi là Bản trụ. Sinh tử có sinh, diệt; Như lai tạng bất sinh, bất diệt. Nhưng vì Như lai tạng lia ấm mà có, nên kinh Niết-bàn nói: ““Ngã” tức là nghĩa Như lai tạng, nên biết thân ngã, Phật tánh; Như lai tạng; Thức A-Ma v.v... đều là tên khác của Bản trụ.”

Sư Số Luận nói: “Không có tâm thần thì thôi, có tâm thần, tất nhiên có lý được thành Phật, nên tâm thần là gốc, không đồng với cỏ cây đều ở một hoá.” Lại nói: “Chân đế là gốc, chân đế tức là “vô trụ”, nên từ gốc “vô trụ” lập ra tất cả pháp.”

Hỏi: “Nếu vậy, thì phẩm này lẽ ra phá kinh Niết-bàn ư?”

Đáp: “Phật tánh thật chẳng phải “có”, “không”, cũng chẳng phải “tức”, “lìa”, không hề có đầu cuối, mà người mê lầm chấp ngang trái là “có”, tức là Phật tánh của hí luận. Nay, phá hí luận đó, nói là thật tánh, chứ không phá Phật tánh, nên kinh Niết-bàn nói: “Dứt nhận lấy chấp mắc, không dứt ngã kiến. Ngã kiến: tức Phật tánh.

7) Do tiếp nhận lời nói đoạn ở trên mà có, trên nói: “Có “nhân” giả, “pháp” giả, chỉ không có “người”, “thật pháp” thật. Người ngoài nói: “Dù giả, thật có khác, nhưng chung quy vẫn có “nhân”, “pháp”. Ông nói: “Nhờ “pháp” mà có người; nhờ người mà có “pháp”, tôi cũng nói nhờ Bản trụ, nên có pháp mắt, tai, v.v... do pháp mắt, tai v.v... mà có Bản trụ, cũng là “nhân”, “pháp” làm nhân cho nhau.”

8) Không chấp nhận cách phá trên của Luận chủ: “Ông không nên nói: “đều không có “nhân”, “pháp”. Nay, thật có “nhân”, gọi là Bản trụ, vì có Bản trụ, nên có các căn mắt, tai v.v.... Nếu không có Bản trụ, thì ai có các căn này ư?”

“Nói Bản trụ, gồm có ba nghĩa:

1) “Vì vốn có thân, nên gọi là Bản trụ; ở trước các căn, gọi là trụ, đây chỉ là tên người.”

2) “Thần là gốc các căn, vì các căn nương tựa vào thần mà được trụ, nên gọi là Bản trụ, đây là từ gốc đặt tên.”

3) “Vì vốn có thân, nên gọi “bản”, các căn sinh sau, đều dựa vào thần mà được trụ, nên gọi là “trụ”, “nhân”, “pháp” này là gọi chung Phẩm này có mười hai bài kệ, được chia làm ba:

1) Phá “Bản trụ”, nói nghĩa chúng sinh “không”.

2) Phá các căn, nói nghĩa “pháp không”.

3) Quở trách người ngoài chấp ngang trái “nhân”, “pháp”.

Hai môn đầu, xem xét “có”, “chẳng phải có”. Một môn kế là, quở “chẳng phải có” nói là “có”.

Y cứ phần đầu, lại chia làm ba:

1) Y cứ trước sáu căn, xem xét không có Bản trụ. Cũng nói là ngoài sáu căn.

2) Y cứ trong sáu căn, xem xét không có Bản trụ.

3) Y cứ trong bốn đại, xem xét không có Bản trụ, tức là tìm tất cả chỗ không có “ngã”. Với căn tánh Tiểu thừa nghe Bản trụ được Sơ quả. Người Đại thừa nghe nói Bản trụ được Thập trụ.

Y cứ phần đầu, lại chia làm hai: Trước lập; kế là phá. Y cứ lập, chia làm hai:

1) Dùng “pháp” chứng “nhân”

2) Dùng “nhân” chứng cho “pháp”.

Hai môn đều có hai. Văn đầu hai: Ba câu nêu pháp, là hỏi, “đây gọi là Bản trụ”. Một câu này tức là đáp.

Môn thứ hai, nửa bài kệ trên, là hỏi.

“Vì cho nên phải biết v.v... trở xuống, nửa bài kệ tức là đáp.

Sở dĩ đặt ra lượt hỏi đáp này, là vì người ngoài hoàn toàn không tiếp nhận cách phá tác pháp không có tác giả, của Luận chủ ở trên. Cho nên, nay, nêu cái “có” của “nhân”, “pháp” để vấn nạn “không” “nhân”, “pháp” của Luận chủ, tức hiển bày tông chỉ nói của mình, ngĩa “có”.

Hỏi: “Vì sao Luận chủ không lập nghĩa rõ ràng, mà chỉ xưng: “Có người nói”?”

Đáp: “Vì nếu nêu chấp riêng của bộ thì sẽ không được phá chung các nhà. Nay, vì muốn phá khắp các nhà, nên gọi “có người nói”.”

Hỏi: “Làm sao biết được đây là Phật tánh của chân thân?”

Đáp: “Chấp Phật tánh của chân thân, tất nhiên là “vốn có”. Sinh tử luống dối, gọi là “mới có”. Nếu đều là “vốn có”, thì đều là chân. Đều cùng là “mới có”, tức là đều giả dối. Nay văn, cũng chấp Bản trụ là “bản hữu”; các căn là “mới có”, nên biết là nghĩa Phật tánh của chân thân.”

Văn xuôi rằng: các “Căn như mạng v.v...: Nếu người Số luận, thì cho rằng, có pháp phi sắc, phi tâm riêng làm mạng căn.” Luận Thành Thật dùng nghiệp làm mạng căn.”

“Đáp v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá, chia làm ba môn:

1) Trách tướng, để phá

2) Điều quyết định, để phá.

3) Gạn hỏi tông chỉ, phá.

Sau khởi ba, phá. Kệ đầu, xa trách tướng. Kệ tiếp theo là, nói đều là “thể”. Thứ ba, gạn hỏi tông chỉ.

Vì đã lập thân lìa ấm, cho nên trách tìm kiếm tướng lìa ấm. Trách tướng chẳng được “không”, lập thể của thân, nên kế là, nói đều “thể”. Người ngoài trì trệ, đều đã gấp rút thì trái ngược, buông tuồng, nên dùng gạn hỏi tông chỉ. Lại, một môn đầu, là dùng tướng trách “thể”. Tiếp theo đem “pháp” đều “nhân”. Tiếp theo là nêu không lìa để phá lìa. Kệ được chia làm hai:

1) Ba câu trên, là trách. Đã chưa có sáu căn, mà trước cho là có thân, dùng tướng nào mà biết ư? Vì chưa có sáu căn, nên không được dùng sáu căn để chứng minh “có”.

2) Hỏi: “Dựa vào căn rồi, về sau, dùng tướng nào để biết ư?”

Đáp: “Khổ, vui v.v... là tướng của tâm; thấy, nghe v.v... là tướng của thân. Trừ ngoài hai tướng này, dùng tướng nào để làm tướng của thân? Nếu vẫn chấp hai tướng này, thì cũng là do sáu căn mà được, không được có bản tánh riêng, lẽ ra có tướng riêng? Lại, sau cùng, lấy ấm làm tướng, sau cùng không lìa ấm, ngoài ấm không có thân. Lại, ngoài ấm không có tướng riêng, cũng ngoài ấm không có “thể” riêng. Nếu có “thể” của thân “khác” với thể của ấm, thì, cũng có tướng thân “khác” với tướng ấm? kinh Niết-bàn nói: “Các ngoại đạo này dù họ đã dùng các thứ để nói “ngã”, nhưng, không bao giờ lìa ngoài ấm, giới, nhập. Lại, nếu không có tướng thân, chỉ ấm là tướng của thân, thì bỏ chỉ cho ngựa làm tướng; lửa chỉ lấy nước làm tướng. Lại, vì đều không có tướng, nên không có thân. Trước đây, ông đã lấy “có” pháp để chứng minh “người” là “có”. Nay, ta lấy tướng là “không” để chứng minh “nhân” “không” là .

Hỏi: “Xưa nói: “Chúng sinh vốn có lý được thành Phật, nghĩa là được lý Phật đã “vốn có”, cho nên, chúng sinh cũng vốn có. Nếu chúng sinh “mới có”, mà lý được thành Phật vốn có, thì lý này thuộc về gì?”

Phần đầu của văn xuôi được chia làm ba:

1) Nêu trách tướng.

“Như pháp ngoại v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phát ra trách tướng. “Như kinh nói v.v... trở xuống, phần thứ ba, kết trách tướng.” “Hỏi v.v... trở xuống, là phần thứ hai, bào chữa:

“Hỏi thở ra vào là tướng thân; khổ, vui v.v... là tướng của tâm, lại dùng hai tướng của thân, tâm để chứng minh có thân.”

Hỏi: “Đây là nghĩa của ngoại đạo Ưu-lâu-ca, sao lại nói phá Phật

tánh của chân thân ư?”

Đáp: “Chấp Phật tánh của chân thân đồng với nghĩa của Ưu-lâu-ca, chân thân là thường; vọng là vô thường. Ưu-lâu-ca cũng vậy. Lại, nay nói ngoại đạo đưa ra nghĩa bào chữa, tức là phá người nội đạo, vì người ngoài đặt ra cách bào chữa này, tức là nói vì nghĩa nội đồng với nghĩa ngoại đạo, nên là phá nội đạo?”

“Đáp v.v... trở xuống, phần thứ ba, là phá bào chữa. Lại, có bốn:

1) Trách chỗ, phá.

“Nếu nói là v.v... trở xuống, phần thứ hai, là nhận lấy ý để phá.

“Lại nữa, nếu nói thân lớn, v.v... trở xuống, phần thứ ba, là phá môn vô thường.

“Lại nữa, như bệnh phong điên v.v... trở xuống, phần thứ tư, là dùng không tự tại để phá.

Bốn phá hiển bày có bốn nghĩa:

1) Trách chỗ, dùng môn “không” để phá vô “ngã”.

2) Chấp lấy ý, dùng nghĩa, khổ để nói lên vô “ngã”.

3) Dùng môn vô thường để nói lên vô ngã.

4) Lấy không tự tại, để nói lên vô ngã.

Vì ngoại đạo không hiểu lẽ sinh tử, khổ, không, vô thường, nên dùng bốn nghĩa để phá họ.

“Các thứ như thế v.v... trở xuống, phần thứ tư, tổng kết.

“Nếu quyết nói là lừa mắt v.v... trở xuống, là phần thứ hai, quyết định phá. Kệ được chia làm hai: nửa bài kệ trên, là nêu; nửa bài kệ dưới, đều phá:

1) Đem “nhân” so sánh với “pháp”: Tương “nhân”, “pháp” của ông đã lừa nhau, thì không nương tựa nhau. “Nhân” (người) lừa “pháp”, thì ở trước “pháp” đã có “người”. “Pháp” cũng lừa “người”, ở “người” đã có trước. “Người” trước, “pháp” sau, “người” thường, “pháp” vô thường. “Pháp” trước, “người” sau, thì “pháp” thường, “người” vô thường. Lại, đều có trước, thì lẽ ra đều thường; đều là sau, thì lẽ ra đều là vô thường. Lại, ông nói: ““Người” trước, “pháp” sau, thì lẽ ra cũng “pháp” trước, “người” sau.

2) Dùng “pháp” so sánh với “người”: thì “Pháp” phải dựa vào “người”; con người, cũng phải nương tựa “pháp”.

Hỏi: “Đã lừa “pháp” có “người”, lẽ đương nhiên, lừa “người” có “pháp”, đây chính là nghĩa của người khác, sao nói là đều quyết định phá?”

Đáp: “Vì tâm thô xem văn, tự như đây mà thôi! Ý này bảo cho

biết lìa “người”, trước đã có pháp, tất nhiên, cần phải đặt chữ “trước”. Không như vậy, thì chẳng phải phá.

Sở dĩ lập ra vấn nạn này, là vì “người” là “người” của “pháp”; “Pháp” là “pháp” của “người”, về sự, như củi, lửa. Ngoại đạo bào chữa:

“Như đất trước, cỏ cây sau.” Điều này không đúng! Vì hiện thấy có đất, mà thật ra không thấy thân”. Lại, pháp ở trước, không thấy “người”, mà nói con người ở trước, cũng “người” ở trước, không thấy “pháp”, lẽ ra phải nói “pháp” ở trước? Lại, chưa có “pháp”, mà trước đã có sự người, như chưa có bò, mà trước đã có sừng, tức thì người Đại thừa có đối tượng chứng đắc, lập nghĩa Phật tánh Chân thân, cũng đại khái là đồng. Vì sao biết điều đó? Vì người Đại thừa kia nói là Phật tánh vốn có, vọng tưởng chẳng phải vốn có, cho nên biết khi chưa có chúng sinh luống dối, thì trước đã có Phật tánh. Nếu vọng với chân đều vốn có, thì lẽ ra đều là thường, đều là vô thường. Nay, lại hỏi:

“Đã vốn có Phật tánh, chưa có chúng sinh luống dối, Phật tánh này thuộc về cái gì? là Phật tánh của ai? Nếu nói có chúng sinh, mới có Phật tánh, thì chúng sinh mới có, Phật tánh lẽ ra cũng mới có. Phật tánh đã vốn có, chúng sinh cũng vốn có. Nếu nói rằng, Phật không nói chúng sinh mới có, nhưng dù Phật không nói chúng sinh mới có, mà Phật nói chúng sinh là vô thường, đã vô thường, thì chẳng phải vốn có, và Phật tánh đã vốn có, thì khi chưa có chúng sinh, trước đó đã có Phật tánh rồi, vậy, Phật tánh đã thuộc về người nào?

Hỏi: v.v... “Hai việc lìa nhau, có thể như vậy v.v... trở xuống, là sinh phần thứ ba, gạn hỏi tông chỉ v.v... Người ngoài không có vì thông suốt đều phá, bèn xoay lại vấn nạn, nên sanh ra câu hỏi này.”

Trong phần đáp, nửa bài kệ trên, nhắc lại tông chỉ; nửa bài kệ dưới, là gạn hỏi tông chỉ, do “pháp”, biết có “người”. Nhắc lại kệ đầu, nêu “pháp” để chứng minh “người”, nhờ người” mà biết có “pháp”, là nhắc lại bài kệ thứ hai, nhờ “người” để chứng minh có “pháp”.

Nửa bài kệ dưới, gạn hỏi cả hai: Lìa “pháp”, đâu có “người”, là gạn hỏi tông chỉ (lập trường) thứ nhất; là lìa người đâu có “pháp”, là gạn hỏi tông chỉ thứ hai.

Có khác với ba luận sư: đây là “nhân”, “pháp” đối đãi nhau phá. Bởi không xem văn xuôi.

Sở dĩ tạo nên cách phá này, là vì trên đã nói đều lìa, nay nói đều không lìa. Trước nói “nhân”, “pháp” đều lìa, nghĩa là lìa phá nghĩa, Nay, hợp ly: không lìa phá nghĩa lìa kia, nên nói tiến lùi quanh co.

“Tất cả các căn như mắt v.v... trở xuống, phần thứ hai, y cứ sáu căn nội tại, xét tra không có Bản trụ. Y cứ văn, chia làm ba:

- 1) Phá
- 2) Bào chữa
- 3) Phá bào chữa.

Nửa bài kệ trên, nêu “không”; nửa bài kệ dưới, giải thích “không”. Vì tìm kiếm lia, không lia ở trên, đều là “không”, nên nói rằng: “Tất cả không có”.

Lại, tất cả căn đều không ngoài hai mươi hai căn, trong hai mươi hai đó, hoặc thánh, hoặc phàm, đều gồm thấu hết, mà thật ra vì không thấy Bản trụ, nên nói: “Tất cả không có”.

Lại, trên đã y cứ trước sáu căn, tìm kiếm Bản trụ không được, là ngoài căn “không có”. Nay, dựa vào trong sáu căn, tìm cũng không được. Lại, kệ đầu trách cứ tướng; hai kệ tiếp theo là, trách “thể”. Nay, phá dụng: gồm thành lập thân có ba: tướng, thể, dụng. Phá ba pháp này, thì tất cả đều không.

Nói trách dụng: Nay, chỉ thấy trong sáu dụng không có dụng của thân. Lại, thân “có” sáu dụng, thì sáu thức “không có” dụng. Sáu thức “không” dụng, thì lẽ ra như gỗ, đá? Nếu sáu thức có dụng, thì thân không có dụng, thân như gỗ, đá.

Vả lại, từ trước đến đây, là đoạt phá. Nay, nếu nói “có”, lại y cứ trong chủ thể, đối tượng để tìm kiếm cái “có”: chủ thể nhận lấy, tức là sáu căn. Trong sáu căn không có thân. Đối tượng nhận lấy chỉ có sáu trần, nên biết “không” thân.”

“Hỏi rằng v.v... trở xuống”, là phần thứ hai, bào chữa.

Nửa bài kệ trên, nhắc lại Luận chủ nói: ““không” thân; nửa bài kệ dưới, vấn nạn cái “không” của Luận chủ, để trở thành “đã có”. Năm căn là pháp vô tri, không lẽ có thể biết trần? Mà hiện nay lại biết trần, thì đây là do dụng của thân, nên biết có thân, tức như Thành Thật, Độc Tử v.v... chấp có người ngự trị dụng của sáu căn.

“Đáp rằng: v.v... trở xuống, phần thứ ba, phá bào chữa. Văn, chia làm bốn:

- 1) “Nếu vậy: phần thứ nhất, nhắc lại.
 - 2) “Vì trong mỗi căn v.v... trở xuống, phần thứ hai, là quyết định.
 - 3) “Cả hai đều có lỗi v.v... trở xuống, phần thứ ba, là bác bỏ chung.
 - 4) “Vì sao? v.v... trở xuống, phần thứ tư, nêu kệ, lập vấn nạn.
- Hai kệ được chia làm hai:

1) Kệ đầu, căn cứ một thần để phá.

2) Kệ thứ hai, y cứ nhiều thần để phá.

Phá một thần: Nếu một thần tồn tại trong sáu căn, thì sẽ phạm lỗi dùng lẫn nhau. Như y cứ trong mắt, đã có thể thấy sắc, nghe tiếng, tức trong mắt này đầy đủ sáu trần. Nếu vậy, tức nhãn căn này có đủ sáu căn, đó là loạn căn. Ở căn đã loạn, tức ở trần cũng loạn.

Nửa trên của kệ, là nhắc lại, nửa dưới của kệ, là phá. Như văn.

Kệ thứ hai, nhiều thần, phá: Đã nói sáu thần ở trong sáu căn, thì một người có đến sáu thần, lại có lỗi đều nhận lấy sáu trần, cũng nửa bài kệ trên, là nhắc lại; nửa kệ dưới là phá. Người Cự Địa Luận chấp tất cả chúng sinh đều đồng một Lê-da.

Nếu vậy, một người dứt “hoặc”, thì mọi người đều dứt. Nếu một người đều có lý thành Phật, thì là pháp vô thường có thể tính đếm. Lại, một tâm ở trong sáu căn, cũng lập ra cách phá này. Sa-Đề nói: “Một thức qua lại sinh tử, với Thành Thật là một, đâu có khác? Lại, tất cả chúng sinh đồng một Bản trụ, thì lẽ ra đồng chướng. Nếu các chúng sinh đều đồng chướng, thì đều có Bản trụ. Lại, nếu đồng một Bản trụ thì sẽ thành Phật cùng một lúc, lẽ ra đồng là căn cơ nhạy bén? Lại, nếu sáu thần, thì lẽ ra mỗi thần đều thành Phật, lẽ ra cũng còn, mất, vì nhiều thần là nhiều pháp. Lại nữa, các căn như nhãn, nhĩ v.v... dưới, trên, hai chỗ tìm kiếm không có thần. Tiếp theo một là ngoài sáu căn tìm kiếm có thần thần, nhiều thần, y cứ trong căn, xem xét không có. Nay, phần thứ ba, không còn y cứ trong, ngoài căn, mà y cứ vào các cực vi, các đại hình thành căn, xem xét không có thần. Vì sao. Vì trong ngoài căn dù không có thần, nhưng hình thành căn do bốn đại, hoặc vì có thể lẽ ra “có”, nên lại trách “có”.

Lại, từ trước đến đây, tức là xem xét trong quả không có thần. Hiện nay, y cứ ở kiểm tra trong nhân không có thần, nên Tam pháp ấn nói: “Tất cả pháp không có “ngã””. Lại, đây đều quyết định phá. Nếu người ngoài nói: “Mắt để thấy, nhưng phải có thần ngự trị mới thấy, không làm cho người không thấy, lẽ ra lửa cũng để đốt, thần có sai bảo mới đốt, không sai bảo thì không đốt, mà nay, bốn đại tự có thể không cần thần, nghĩa là sáu căn lẽ ra cũng như vậy. Lại, căn từ bốn đại; bốn đại từ trần, trần lại từ cái gì? Nếu có chỗ từ thì vô cùng! Nếu không có từ đâu, thì không có nhân, cũng không có quả, nên không có Bản trụ.”

“Hỏi rằng: v.v... trở xuống, đây là sinh lần thứ hai, tiếp theo là, phá các căn, nói về nghĩa các pháp “không”. Trước hỏi; tiếp theo là đáp.

Người Số luận nói: “Ngoại đạo chấp ngang trái mười sáu tri kiến như : Bản trụ v.v... có thể được “không” này. Nhân v.v... là pháp thể để, pháp này tức lẽ ra “có”. Cho nên, nay nói, đều là chấp ngang trái. Nay, người Số Luận nói: “Mất nhất định do mười cực vi hình thành, “thể” là có thật”. Người của Luận nói: “Mất là do bốn đại hình thành, đây là pháp giả, thì chẳng phải là “không”.”

Nay, nói: “Nếu Số Luận chấp quyết định thì cũng không có pháp này. Lại, từ trước đến đây, là phá mê ngoại. Nay, ở đây, phá chấp nội. Lại, từ trước đến đây là mượn “pháp” để phá “người”, chỉ có sáu căn và các cực vi, bốn đại, chỗ nào có “ngã”? Nay, tức là mượn “ngã” để phá “pháp”. Có “ngã”, có thể “có” “pháp”; “không” “ngã”, đâu có pháp? Lại, từ trước đến đây, chính là phá. Nay, là phân biệt phá. Người Số Luận nói: “Ta cũng phá ngoại đạo như thế, so với cách phá của ông đâu có khác?” nên nay, giải thích: “Cách phá của ông không tương tận, vì cũng vẫn để lại các căn, cho đến lúc sắc lân hư, chẳng phải rốt ráo không.”

Lại, từ trước đến đây, đã tìm kiếm không có Bản trụ, tức là Phật tánh không có chỗ nương tựa. Nay, đã không có các căn, tức là không có sinh tử, chủ thể nương tựa, nên đạo môn chưa từng sinh tử, cũng chẳng phải Niết-bàn.”

Hoa Nghiêm nói: “Sinh tử và Niết-bàn, cả hai đều là lưỡng đối; cả hai đều không thật có. Lại, người có sở đắc, quyết định cho rằng, có Phật tánh là đối tượng nương tựa, có sinh tử là chủ thể nương tựa, đây đều là sinh tử. Nay, cũng không thấy chủ thể nương tựa, đối tượng nương tựa, mới là Niết-bàn. Lại, người có sở đắc thấy chủ thể, đối tượng nương tựa, đây là nghĩa tánh. Về mặt đạo lý, rốt ráo không có pháp này. Nay, phá bệnh tánh như thế xong, mới được nói giả danh trong kinh, gọi là nghĩa chủ thể nương tựa, đối tượng nương tựa.

“Lại nữa, mất v.v... không có Bản trụ”, thứ ba, là quả trách. Nửa bài kệ trên, kết không có thân; nửa bài kệ dưới, quả trách: Mất v.v... không có Bản trụ: nói mất v.v... trước kia, không có Bản trụ.

Nói hiện nay: là nói hiện tại không có Bản trụ. Sau: không có Bản trụ trong vị lai.”

Hỏi: “Chưa có các căn, trước đó đã có Bản trụ, đây là nghĩa của ngoại đạo. Hai nghĩa còn lại là nghĩa gì ư?”

Đáp: “Luận chủ y cứ đủ tìm kiếm khắp Bản trụ trong ba đời, sao cho rốt ráo không có sơ sót, không cần phải có nghĩa của người ngoài kia. Lại, người Thành Thật có hai sư:

1) “Đủ năm ấm mới thành chúng sinh, tức là trước có “pháp”, sau có “nhân”. Đây là nghĩa vị lai có Bản trụ.

2) Hễ có một tâm, một sắc, tức hình thành chúng sinh. Chúng sinh và “pháp” đều có, đây là các căn Bản trụ, là có cùng một lúc. Đây là hiện tại có nghĩa Bản trụ. Nếu chấp vốn có chân thân Phật tánh, thì chưa có các căn, mà trước đó đã có nghĩa Bản trụ. Lại, đây là kết trước, mắt v.v... không có Bản trụ, kết hai kệ trách tướng v.v... trước, nói không có Bản trụ trước của mắt v.v.... Một chữ “nay”, kết “không” Bản trụ trong sáu căn của hai kệ sau của bào chữa trước. Một chữ “sau”, là kết không có Bản trụ trong bốn đại trước. Người ngoài cho rằng: “Do bốn đại hình thành sắc ấm, vì có sắc ấm nên hình thành con người, cho nên, trước có thân bốn đại, sau có Bản trụ. Cũng như trước đã có năm ngón tay, mới có nắm tay; trước đã có ruộng, đôn tay, sau mới có nhà.

Nửa bài kệ dưới, quả trách rằng: “Không có vô phân biệt: quả hai kệ đầu của phẩm kia. Kệ đầu, dùng “pháp” để chứng minh “người”. Đây là dùng “pháp” để phân biệt “nhân”. Kệ thứ hai, dùng “người” để làm chứng cho “pháp”. Đây là dùng “người” để phân biệt “pháp”.

Văn xuôi chép: “Không nên có vấn nạn: quả Luận chủ vấn nạn đầu phẩm, nếu không có Bản trụ, thì ai có mắt, tai v.v....

Hỏi, đáp như thế, tức hí luận diệt: Ba câu trên của kệ đầu phẩm là hỏi; 1 câu của kệ dưới là đáp.

Nửa trên của kệ thứ hai là hỏi; nửa bài kệ dưới là đáp. Hỏi, đáp như thế, đều là hí luận.

Trên, đã tìm Bản trụ không có từ đâu, nên nói: “là diệt”.

* Thứ mười, phẩm Nhiên, Khả nhiên:

Sở dĩ có phẩm này, là vì ý cũng có nhiều môn, nói chung là căn, tánh không đồng, “pháp” “thí” khác ngộ, như con của thợ kim hoàn giặt áo, lại pháp bảo nê-hoàn muốn vào có nhiều cửa. Vì thế, nên Long Thọ chia ra hai mươi bảy phẩm.

2) Từ đầu luận đến đây, đã phần nhiều phá nhân, trở thành nghĩa giả. Phẩm này phá đối đãi nhau.

3) Nếu y cứ bốn câu để chấp “nhân”, “pháp”, thì phẩm tác giả phá “tức”; phẩm Bản trụ trừ là. Nay, cũng “tức”, “là” và phi “tức”, “là”.

4) Nếu ba phẩm đối nhau, thì phá Tác, Tác giả là phá chung công dụng của “nhân”, “pháp”; phá Bản trụ là phá “thể” của “nhân”, “pháp”. Thể, dụng đã bỏ, thì “người”, “pháp” đều vắng lặng, chỉ vì ý của người mê lầm vẫn còn dao động chưa thôi, nên họ lại dẫn dụ để

hòng bào chữa lỗi lầm.

Lửa có công dụng đốt củi, gọi là đốt cháy; củi có nghĩa tiếp nhận dự đốt, gọi là có thể cháy, dụ thân có công dụng ngự trị ấm; ấm có nghĩa tiếp nhận khả năng ngự trị.

Nay, y cứ theo việc, nhằm tìm thí dụ này không có từ đâu, nên dùng gọi phẩm.

5) Quán sát ý của Luận Câu-Xá, từ hai phẩm trên, phá nghĩa nội, ngoại, Đại, Tiểu thừa. Nay, một phẩm này vì chính là phá Độc Tử, nên luận trong phẩm Phá Ngã Câu-Xá, đã nói về Độc Tử bộ dẫn “nhiên khả nhiên” để lập nghĩa “ngã”. Vì phẩm này phá “nhiên khả nhiên”, nên biết chính là phá Độc Tử.

6) Hai mươi lăm phẩm quán hạnh của Đại thừa, gồm có hai môn. Từ đầu luận đến đây, đã y cứ môn pháp thuyết để tìm “nhân”, “pháp” không thể được. Nay, một phẩm này y cứ môn Dụ thuyết để tìm “nhân”, “pháp” đều không.

7) Luận này từ đầu đến cuối phá ba hạng người:

1, Tà kiến ngoại đạo

2, Chấp khác lạ của người nội đạo.

Y cứ vào các phẩm trên để phá hai hạng người này.

3, Tự có người không có hai chấp này, muốn được trực tiếp quán thật tướng các pháp. Vì hạng người đó, nên nói phẩm này, nhằm thị hiện vô sinh không xa, tức sự mà chân, nên y cứ ở hiện thấy, ngay nơi việc để luận. Ví dụ như một lửa không được là “một” với củi không thể “khác” củi; không được nói nhân nhau; không được nói không nhân; không nội, không ngoại. Nếu có thể quán như sau, thì sẽ được thể ngộ thật tướng, phát sinh chánh quán, dứt các phiền não, nên nói phẩm này.

8) Trên, đã phá Bản trụ, phá ngoại đạo chấp ngã. Nay, một phẩm này nhằm phá môn đồ thờ lửa. Vì tỳ trạng này hiện đang thịnh hành ở Thiên Trúc, nên cần phải trải qua để gột rửa cho sạch.

9) Tức phẩm này, nghiên cứu sâu, cùng cực cạn. Cùng cực nông cạn, nghĩa là chỉ cho nhân việc trước kia. Nghiên cứu sâu: Kinh Niết-bàn nói rằng: “Phiền não là củi; trí tuệ là lửa, do Nhân Duyên này thành thực cơm Niết-bàn, khiến cho các đệ tử đều được thưởng thức cam lồ.

Kinh Đại phẩm nói: “Chẳng phải ngọn lửa đầu tiên đốt; chẳng phải ngọn lửa sau đốt; không lìa ngọn lửa đầu, không lìa ngọn lửa sau, mà có nghĩa đốt, là dụ cho được Bồ-đề, nên Niết-bàn dùng củi, lửa để dụ cho quả của quả. “Vì kinh Đại Phẩm dụ cho quả Bồ-đề, nên biết rất

sâu xa.”

Hỏi: “Vì sao nói về việc nghiên cứu sâu sắc, cùng cực nông cạn?”

Đáp: “Vì muốn nói cạn, sâu không hai. Người được thể ngộ, tức củi, lửa là đạo, nên đạo rất xa vời lắm thay! Xúc chạm việc mà chân; người không liễu đạt, Phật và Niết-bàn đều nói là điên đảo.”

Hỏi: “Các kinh Đại thừa phần nhiều mượn củi, lửa làm thí dụ, nay đã phá củi, lửa thì mượn chỗ nào, cái gì để làm thí dụ ư?”

Đáp: “Phẩm này vì người ngoài chấp lời kinh, mà hiểu, nên phải phá chấp của họ: “Trong kinh là thuyết Nhân Duyên giả gọi, không có dụ mà dụ; dụ không có đối tượng dụ. Người ngoài cho là có pháp, để làm pháp; có dụ, để dụ, trái lại là phá kinh. Nay, tìm củi, lửa không được bèn nói dụ không có đối tượng dụ, làm cho thức không có đối tượng dụ để thí dụ, chính là trình bày kinh.

10) Chúng sanh Bất cứ nơi nào, cũng đều bị ràng buộc, chẳng hạn như thấy có củi, lửa bèn khởi lên phiền não, nghiệp, khổ. Chư Phật, Bồ-tát, ở khắp mọi nơi chốn, đều giải toả sự ràng buộc của chúng sinh, nên nói phẩm này.

Phẩm được chia ra làm ba:

1) Phá dụ thuyết của ngoại đạo.

“Hỏi: vì sao nói “đốt cháy, có thể đốt cháy? v.v... trở xuống;

2) Phá pháp thuyết của họ: “Nếu người nói có “ngã” v.v... trở xuống.

3) Pháp dụ, đã nghiên cứu tận cùng mà quở trách.

Hai môn đầu y cứ chánh quán, tìm kiếm “không”. Một môn kế là, với tâm tà cho là “có”.

- Y cứ phá dụ thuyết, gồm có sáu môn:

1) Môn khác

2) Môn đối đãi nhau

3) Môn nhân, vô nhân

4) Môn nội, ngoại

5) Môn ba thời

6) Môn 5 câu

- Môn đầu có hai:

1, Văn xuôi

2, Bản kệ

- Văn xuôi được chia làm bốn:

1, Lập

2, Phá

3, Bào chữa

4, Phá bào chữa

- Trong lập có ba:

1, Pháp thuyết

“Như đốt cháy, có thể đốt cháy v.v... trở xuống.

2, Dụ thuyết v.v... “Đốt cháy là người thọ v.v... trở xuống.

3, Hợp dụ.

“Đáp rằng v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá. Điều không thành, gồm có bốn nghĩa:

1) Từ trước đến đây, đối tượng dụ đã không thành; chủ thể dụ tức hư hoại (hổng). Vì chủ thể, đối tượng này, như đốt cháy, có thể đốt cháy. Vì chủ thể đốt cháy là “không”, nên đối tượng để đốt cháy cũng “không”.

2) Trên đã phá hữu vi, vô vi, tất cả vật. Chủ thể đốt cháy, đáng đốt cháy đã là hữu vi, vì đã thuộc về cách phá trước, nên không đáng làm dụ, thành rakhông nên dẫn chứng.

3) Nếu Đối tượng nhìn thấy nếu thật, thì một việc có thể biết.

Từ trước đến đây, các lập đã tìm kiếm, không có chỗ từ. Nay lại một lần nữa, trích dẫn, biết luống dối.

4) Như dưới đây, sáu môn như “một”, “khác” v.v..., tìm kiếm không có từ đâu, nên không thành. Nay, lại y cứ xa “một”, “khác”, tìm “không”: “một”, thì chỉ có củi, không có lửa. Vì không có lửa, làm sao có củi? Nên nói là: “đều không có”. Lại, “một”, thì chỉ có lửa, không có củi; không có củi, thì làm sao có lửa? lại đều “không”. “Ba” thì một vật thể, vì không thể nói củi, lửa kia, nên lại đều là “không”.

“Khác”, cũng có ba lỗi:

1) Đã khác thể thì lẽ ra lia nhau, tất sẽ có lỗi đồng, tây.

2) Lỗi trước, sau: chưa có củi, lẽ ra trước đã có lửa.

3) Lỗi còn mất: củi mất, lửa còn. Cho nên, đều là “không”.

“Hỏi rằng: v.v... trở xuống, là phần thứ ba, bào chữa. Một lớp hỏi đáp sau đây chính là nói tông chỉ Đại thừa của kinh, luận, giải thích lý do phá, lập:

Hỏi: “Vì sao y cứ phẩm này để nói đại ý phá, lập?”

Đáp: “Vì ký thác bất cứ một phẩm nào đều đáng được nói đến phá, lập. Vả lại, phẩm này vì dùng thí dụ chung cho tất cả pháp, nên y cứ ở phẩm chung, để nói chung về lập, phá. Hơn nữa, cuối cùng phẩm này vì đến pháp thí dụ đã chu toàn, nên nói về lý do phá, lập.

Y cứ câu hỏi, chia làm hai:

1) Xin đình chỉ “một”, “khác”.

2) Nói về lý do “có”, “không”, đình chỉ “một”, “khác”: vì muốn cho Luận chủ phân biệt phá, lập “có”, “không”, và người ngoài biết tiếp nhận vấn nạn “một”, “khác”, tất nhiên, lời lẽ của họ đều quanh co. Nay, vì muốn che giấu điều quanh co của mình, nên họ xin đình chỉ “một”, “khác”. Lại, người ngoài biết đáp và không đáp, cả hai đều không chung, cho nên xin đình chỉ. Lại, vì muốn nắm lấy vấn nạn của Luận chủ để vấn nạn Luận chủ, sao cho đồng với mọi người, nên xin đình chỉ. Lại, từ đầu luận đến nay, đều thuận với tông chỉ lập nghĩa. Một câu hỏi này là trái với vấn nạn, để lập:

“Nếu nói không có đốt cháy, đáng đốt cháy v.v... trở xuống, là phần thứ hai, nói về “có”, “không”. Về câu hỏi có hai ý:

1) Hỏi về đốt cháy, đáng đốt cháy, đối tượng phá.

2) Hỏi về “một”, “khác” của chủ thể phá.

Hỏi: “Đốt cháy, có thể đốt cháy, đối tượng phá, có hai quan điểm “có”, “không”: Nếu “có” mà phá, thì sẽ phạm bốn lỗi:

1, Về mặt đạo lý là có thật. Nếu muốn gượng phá làm cho “không”, thì đó là tà kiến. Vì thế, nên kinh Đại phẩm nói: “Nếu pháp trước “có”, sau “không”, thì Chư Phật, Bồ-tát sẽ có tội.”

2) Nếu “có” thật, thì sẽ không thể làm cho “không”, dụ như chân có thể làm cho “có”.

3) Tôi thấy có thể đốt cháy “có”, ông cũng thấy “có” cháy. Đã đồng là “có”, vì sao lại phá để cho “không”?”

4) Ông đem cái “có” để phá cái “có” của ông, như hỏi, không thành hỏi của cuối phẩm Năm ấm. Nếu nói “không” đốt, có thể đốt cháy mà muốn phá thì cũng có bốn lỗi:

1, Nếu là “không” thì không nên phá, vì phá thì không nên “không”. Nay, hiện thấy ông phá, nên biết chẳng phải không.

2, Nếu “không” mà phá, thì sao không phá sừng hổ, lông rùa, mà phá đốt, có thể đốt cháy ư?”

3, “Tôi thấy cái “có” của người kia; ông thấy cái “không” của người kia. “Có” không, “không” mất tội, phước không có tà kiến, nên kinh nói: ”Thà khởi thân kiến, chứ không mắc phải “ác thủ không”!

4, Dùng “không” của ông để phá cái “có” của tôi, cũng lấy cái “có” của tôi để phá cái “không” của ông, như cuối phẩm Năm ấm, hỏi không thành hỏi.

Từ câu: “Nếu nói không có đốt, có thể đốt v.v... trở xuống, là có

vấn nạn.

“Như sừng hổ v.v... trở xuống, là không có vấn nạn.”

Ý hỏi: Chỉ thấy vấn nạn là “không”, chẳng thấy vấn nạn là “có”. nếu đặt ra 2 quan điểm để vấn nạn, thì sẽ ít, không tiện.

“Như sừng hổ v.v... trở xuống, chỉ là giải thích lại, không có vấn nạn.

“Nếu ông chấp có “một”, “khác” v.v... trở xuống, là phần thứ hai, hỏi về chủ thể phá, cũng có bốn lỗi:

1, Có chủ thể phá, tất nhiên có đối tượng phá, tức Luận chủ có chủ thể, người ngoài có đối tượng.

2, Điều là “có”, thì đều nên phá. Nếu không như vậy, thì đều không bị phá.

3, Nếu ta phá, ông không phá, thì cũng như ông phá, ta không phá.

4, Nếu có phá, không phá, thì có hữu, không hữu bốn vấn nạn.

Nếu không có chủ thể phá, cũng có bốn vấn nạn:

1, Không có chủ thể phá, thì lấy (ai) để phá người khác?

2, Nếu trong không có chủ thể, mà ngoài có đối tượng thì đây là nhân trong có ngoài, đối đãi với “không”, nói “có”.

3, Nếu không có chủ thể phá, thì không có kiến.

4, Không có chủ thể phá là đại tà kiến, vì không có đối tượng phá, nghĩa là không có ngoại đạo, không có chủ thể phá, tức không có nội đạo, nghĩa là tà kiến lớn, mà trong vẫn chỉ y cứ “có” để vấn nạn, chẳng nói là “không”.

Đã nhận thấy từ phẩm đầu đến đây, Luận chủ luôn dùng “một”, “khác” để phá người ngoài, rồi cho rằng Luận chủ “có” “một”, “khác”, nên nói: “Nếu ông thừa nhận “có”, “một”, “khác”, thì tức là “đã có”. Nếu Luận chủ “không” “một”, “khác”, thì sẽ không đem “một”, “khác” để trách người ngoài, mà đã dùng “một”, “khác” để quở trách người ngoài, thì đủ biết Luận chủ đã thừa nhận có “một”, “khác”.

Trung quán Luận sơ quyển thứ sáu, phần đầu xong.

